TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Trần Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa*:** Ông Trịnh Đình Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; cư trú tại: Xã A huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh T, sinh năm 1981; cư trú tại: Xã A huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2016, bản tự khai ngày 19/6/2017, biên bản hoà giải ngày 22/8/2017 và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông T chung sống với nhau từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/6/2014 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông T ghen tuông vô cớ rồi kiếm cớ gây gổ, cãi vả, ông T không quan tâm đến vợ con. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L quyết định ly hôn với ông Trần Minh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có 01 người con chung tên Trần Long D, sinh ngày 06/11/2014. Khi ly hôn bà L yêu cầu được quyền nuôi con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà L đang làm nhân viên y tế tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương có thu nhập ổn định, có thời gian và kinh nghiệm chăm sóc con. Hiện con chung đang sống cùng bà L, được bà L và bà ngoại của bé chăm sóc.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L thống nhất với những lời trình bày trước đây và đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Trần Minh T.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Long D, sinh ngày 06/11/2014 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2017 và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T thống nhất với bà L thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau các vấn đề trong cuộc sống, trong lúc nóng giận ông T có đánh bà L và bà L cũng đánh lại; nhiều lần ông T nói bà L nên đi thăm người nhà ông T ở bệnh viện nhưng bà L không đi; bà L nói xấu ông T với nhiều người, nhất là người thân làm ông T không thể chấp nhận được; ông T nghi ngờ bà L có mối quan hệ với người khác (ông T không có bằng chứng cụ thể); bà L nhiều lần đòi mua xăng đốt nhà ông T; gia đình bà L còn hù doạ định đánh ông T nhiều lần. Ông T đã xin lỗi và mong bà L tha thứ khi ông T đánh bà L nhưng bà L không đồng ý. Tại phiên toà, ông T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông T và bà L có 01 con chung tên Trần Long D, sinh ngày 06/11/2014. Nay, bà L yêu cầu được nuôi con thì ông T không đồng ý. Ông T yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng: Những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà L và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, do có mâu thuẫn vợ chồng nên đã sống ly thân và hiện không còn quan

tâm chăm sóc lẫn nhau, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L xin ly hôn với ông T là có căn cứ. Tại phiên toà ông T đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà L và ông T.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Long D, sinh ngày 06/11/2014, cả hai người đều có nguyện vọng nuôi con, hiện tại con đang sống cùng với bà L và con dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà L nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại: Xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 09/6/2014 tại UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T ghen tuông và không quan tâm đến vợ con. Ông T cho rằng mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà L không chung thuỷ, có lời nói xúc phạm đến ông T và gia đình ông T và hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cũng phù hợp với Biên bản xác minh tại UBND xã A. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của bà L là hoàn toàn tự nguyện, tại phiên toà ông T cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà L và ông T.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các bản sao giấy khai sinh, xác định bà L và ông T có 01 người con chung tên Trần Long D, sinh ngày 06/11/2014. Sau khi ly hôn bà L có nguyện vọng được nuôi con chung, ông T cũng có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu D hiện tại đang sống với bà L và dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cần giao cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời bà L hiện đang làm điều dưỡng ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương có kiến thức chăm sóc con, thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng. Vì vậy, việc giao cháu D cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 51, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Trần Minh T.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Long D, sinh ngày 06/11/2014 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007877 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Hữu Duyên